

THÔNG TƯ

Hướng dẫn khảo sát địa kỹ thuật phục vụ lựa chọn địa điểm và thiết kế xây dựng công trình

Căn cứ Nghị định số 36/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/09/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Bộ Xây dựng hướng dẫn khảo sát địa kỹ thuật phục vụ lựa chọn địa điểm và thiết kế xây dựng công trình như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh.

Thông tư này hướng dẫn công tác khảo sát địa kỹ thuật phục vụ lựa chọn địa điểm và thiết kế xây dựng công trình không phân biệt nguồn vốn đầu tư; trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác khảo sát.

2. Giải thích từ ngữ.

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. *Khảo sát địa kỹ thuật* (sau đây gọi chung là *khảo sát*) là một phần của công tác khảo sát xây dựng thực hiện nhằm đánh giá điều kiện địa chất công trình, dự báo sự biến đổi và ảnh hưởng của chúng đối với công trình xây dựng trong quá trình xây dựng và sử dụng công trình.

Khảo sát địa kỹ thuật bao gồm khảo sát địa chất công trình và quan trắc địa kỹ thuật.

b. *Điều kiện địa chất công trình* bao gồm đặc điểm địa hình, địa mạo; cấu trúc địa chất; đặc điểm kiến tạo; đặc điểm địa chất thủy văn; đặc điểm khí

tượng - thủy văn; thành phần thạch học; các tính chất cơ - lý của đất, đá; các quá trình địa chất tự nhiên, địa chất công trình bất lợi.

c. *Điểm thăm dò* là vị trí mà tại đó khi khảo sát thực hiện công tác khoan, đào, thí nghiệm hiện trường (xuyên, cắt, nén tĩnh, nén ngang, thí nghiệm thấm...), đo địa vật lý...

3. Nhiệm vụ khảo sát do nhà thầu thiết kế hoặc nhà thầu khảo sát xây dựng lập theo yêu cầu của chủ đầu tư. Nhiệm vụ khảo sát được lập riêng cho lựa chọn địa điểm hoặc cho thiết kế xây dựng công trình.

Trường hợp chủ đầu tư có đủ điều kiện năng lực phù hợp theo quy định về khảo sát xây dựng hoặc về thiết kế xây dựng công trình thì được tự lập nhiệm vụ khảo sát.

4. Nội dung nhiệm vụ khảo sát thực hiện theo Điều 6 Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ và quy định tại các Điểm 2.2.1, 2.3.1 Mục 2, Phần II của Thông tư này. Nhiệm vụ khảo sát phải được chủ đầu tư phê duyệt và là cơ sở để lập phương án kỹ thuật khảo sát.

5. Chủ đầu tư phải tổ chức lựa chọn nhà thầu khảo sát có đủ điều kiện năng lực phù hợp theo quy định để thực hiện khảo sát.

6. Phương án kỹ thuật khảo sát do nhà thầu khảo sát lập và là một trong những cơ sở để xem xét lựa chọn nhà thầu khảo sát. Nhà thầu khảo sát được lựa chọn có trách nhiệm hoàn thiện phương án kỹ thuật khảo sát trình chủ đầu tư phê duyệt trước khi thực hiện.

Phương án kỹ thuật khảo sát phải phù hợp với nhiệm vụ khảo sát được duyệt, phù hợp với các tiêu chuẩn được áp dụng và phải tính đến quy mô, tính chất công việc, mức độ nghiên cứu, mức độ phức tạp của điều kiện tự nhiên tại vùng, địa điểm khảo sát.

7. Nội dung chủ yếu của phương án kỹ thuật khảo sát:

- Cơ sở lập phương án kỹ thuật khảo sát như đặc điểm công trình xây dựng, nhiệm vụ khảo sát, đặc điểm địa chất công trình, mức độ nghiên cứu hiện có về điều kiện địa chất công trình tại khu vực xây dựng;

- Thành phần, khối lượng công tác khảo sát;

- Phương pháp, thiết bị sử dụng;

- Tiêu chuẩn áp dụng;

- Tổ chức thực hiện;

- Tiến độ thực hiện;

- Các biện pháp bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình xây dựng có liên quan;

- Các biện pháp bảo vệ môi trường: nguồn nước, tiếng ồn, khí thải...;

- Dự toán chi phí cho công tác khảo sát.

Nội dung phương án kỹ thuật khảo sát được duyệt phải được thể hiện trong hợp đồng khảo sát.

Trong quá trình khảo sát, nếu phát hiện các yếu tố bất thường, nhà thầu khảo sát được quyền đề xuất điều chỉnh hoặc bổ sung nội dung phương án kỹ

thuật khảo sát mà không làm thay đổi nhiệm vụ khảo sát được duyệt. Đề xuất của nhà thầu khảo sát phải được chủ đầu tư chấp thuận.

8. Khi thực hiện nhiệm vụ khảo sát, nhà thầu khảo sát phải cử chủ nhiệm khảo sát có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Điều 57 Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ; phải thông báo với chủ đầu tư về phòng thí nghiệm hợp chuẩn nơi tiến hành các thí nghiệm trong phòng để chủ đầu tư thực hiện giám sát.

9. Công tác khảo sát phải được giám sát thường xuyên, có hệ thống từ khi bắt đầu đến khi hoàn thành và phải do người có chuyên môn phù hợp thực hiện.

10. Kết quả khảo sát phải được lập thành báo cáo. Báo cáo kết quả khảo sát bao gồm phần thuyết minh và phần phụ lục; hình thức và quy cách báo cáo theo các tiêu chuẩn được áp dụng.

Nội dung thuyết minh báo cáo theo Khoản 1, Điều 8 Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ.

Phụ lục báo cáo có thể bao gồm các tài liệu: Bản đồ địa chất chung; bản đồ thực tế đo vẽ địa chất công trình, địa chất thuỷ văn; bản đồ địa hình và vị trí khu vực khảo sát; sơ đồ bố trí các điểm thăm dò; các trụ hố khoan; mặt cắt địa chất công trình; biểu đồ và kết quả các thí nghiệm hiện trường như thí nghiệm thấm, xuyên, cắt quay, cắt trượt, nén ngang, nén tải trọng tĩnh...; biểu đồ và biểu tổng hợp kết quả thí nghiệm tính chất cơ - lý - hoá mẫu đất đá và mẫu nước trong phòng thí nghiệm; các tài liệu thăm dò địa chất thuỷ văn, khí tượng thuỷ văn; biểu đồ và mặt cắt địa vật lý; bảng tổng hợp cao độ, toạ độ các điểm thăm dò; album ảnh và các tài liệu khác có liên quan (nếu có)...

Số lượng, nội dung các tài liệu trong Phụ lục báo cáo phải phù hợp với nội dung khảo sát đã thực hiện.

11. Báo cáo kết quả khảo sát phải được chủ đầu tư nghiệm thu và lập thành biên bản theo Điều 12 và Phụ lục số 2 Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư có thể thuê nhà thầu thiết kế xây dựng hoặc nhà thầu khảo sát khác nhận xét, đánh giá kết quả khảo sát trước khi nghiệm thu.

Hồ sơ nghiệm thu kết quả khảo sát kèm theo Phụ lục số 2 Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ phải bao gồm Biên bản nghiệm thu thành phần công tác khảo sát ngoài hiện trường và Biên bản nghiệm thu hoàn thành khảo sát ngoài hiện trường hướng dẫn tại Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 của Thông tư này.

12. Công tác khảo sát bổ sung chỉ thực hiện trong các trường hợp quy định tại Điều 9 Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ. Chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt nhiệm vụ khảo sát bổ sung, phương án kỹ thuật khảo sát bổ sung và ký hợp đồng khảo sát bổ sung với nhà thầu khảo sát để thực hiện.

13. Công tác khảo sát phải có nội dung phù hợp với bước thiết kế theo Mục 2, Phần II của Thông tư này. Trường hợp điều kiện địa chất công trình tại khu vực khảo sát và công trình có yêu cầu kỹ thuật không phức tạp, công tác khảo sát có thể thực hiện một lần để phục vụ cho nhiều bước thiết kế nhưng nội dung khảo sát phải được thể hiện trong phương án kỹ thuật khảo sát được chủ đầu tư phê duyệt.

14. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối, thông đồng, làm sai lệch kết quả khảo sát. Chủ đầu tư, nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế, nhà thầu hoặc cá nhân giám sát khảo sát phải chịu trách nhiệm hoặc chịu trách nhiệm liên đới trước pháp luật về kết quả công việc do mình thực hiện; trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

II. KHẢO SÁT PHỤC VỤ LỰA CHỌN ĐỊA ĐIỂM VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Khảo sát phục vụ lựa chọn địa điểm.

1.1. Khảo sát phục vụ lựa chọn địa điểm được tiến hành trong trường hợp điều kiện địa chất công trình là yếu tố chủ yếu quyết định việc lựa chọn địa điểm xây dựng công trình. Tùy theo mức độ phức tạp về điều kiện địa chất công trình và đặc điểm công trình xây dựng, có thể áp dụng một phần hoặc toàn bộ thành phần công việc khảo sát nêu tại Điểm 1.3 Mục 1 Phần II của Thông tư này.

1.2. Khảo sát phục vụ lựa chọn địa điểm được thực hiện ở tất cả các phương án xem xét tại khu vực hoặc tuyến dự kiến xây dựng công trình, trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1:2000 hoặc 1:5000 hoặc 1:10000 hoặc 1:25000 hoặc nhỏ hơn tùy thuộc vào diện tích khu vực khảo sát.

1.3. Thành phần công tác khảo sát phục vụ lựa chọn địa điểm:

a. Thu thập, phân tích và hệ thống hoá tài liệu khảo sát hiện có của khu vực, địa điểm xây dựng;

b. Thị sát địa chất công trình (khảo sát khái quát);

c. Đo vẽ địa chất công trình;

d. Thăm dò địa chất công trình, địa chất thuỷ văn;

đ. Thăm dò địa vật lý (nếu cần).

1.4. Công tác đo vẽ địa chất công trình phục vụ lựa chọn địa điểm chỉ thực hiện khi cần thiết tùy thuộc vào diện tích, điều kiện địa chất công trình khu vực khảo sát và đặc điểm công trình xây dựng. Khối lượng, nội dung đo vẽ phải được lựa chọn phù hợp với tỷ lệ bản đồ đo vẽ.

1.5. Công tác thăm dò địa chất công trình, địa chất thuỷ văn phục vụ lựa chọn địa điểm chỉ thực hiện với khối lượng hạn chế trong trường hợp không có hoặc thiếu các tài liệu thăm dò hoặc tại những khu vực có điều kiện địa chất công trình bất lợi.

1.6. Báo cáo kết quả khảo sát cần phân tích, đánh giá số liệu ở tất cả các phương án xem xét để đảm bảo lựa chọn vị trí thích hợp xây dựng công trình, xác định hợp lý vị trí các công trình đầu mối trên tuyến và đề xuất các công việc, phương pháp khảo sát cho bước thiết kế tiếp theo.

2. Khảo sát phục vụ các bước thiết kế xây dựng công trình.

2.1. Yêu cầu chung.

2.1.1. Thành phần công tác và khối lượng khảo sát được xác định tùy thuộc vào bước thiết kế, đặc điểm của công trình xây dựng, điều kiện tự nhiên của khu vực khảo sát, mức độ phức tạp về điều kiện địa chất công trình, tài liệu khảo sát hiện có... nhưng phải đảm bảo khảo sát hết tầng đất đá trong phạm vi ảnh hưởng của tải trọng công trình. Tọa độ, cao độ các điểm thăm dò có thể giả định nhưng phải đảm bảo đo nối được với hệ thống tọa độ, cao độ của công trình hoặc của quốc gia khi cần thiết.

2.1.2. Thành phần công tác khảo sát phục vụ các bước thiết kế:

a. Thu thập, phân tích và đánh giá tài liệu khảo sát hiện có của khu vực xây dựng; đánh giá hiện trạng các công trình xây dựng liền kề có ảnh hưởng đến các công trình thuộc dự án;

b. Đo vẽ địa chất công trình;

c. Thăm dò địa chất công trình, địa chất thủy văn;

d. Thăm dò địa vật lý (nếu cần);

đ. Khảo sát khí tượng - thủy văn (nếu cần);

e. Nghiên cứu đặc điểm kiến tạo (nếu cần);

g. Thí nghiệm mẫu đất đá, mẫu nước trong phòng thí nghiệm;

h. Quan trắc địa kỹ thuật;

i. Chính lý và lập báo cáo kết quả khảo sát.

Trường hợp cần thiết, có thể xây dựng phương án kỹ thuật khảo sát riêng cho từng thành phần công tác khảo sát.

2.2. Khảo sát phục vụ bước thiết kế cơ sở.

2.2.1. Nội dung nhiệm vụ khảo sát cần nêu rõ đặc điểm, quy mô công trình xây dựng, địa điểm và phạm vi khảo sát, tiêu chuẩn áp dụng, thời gian thực hiện.

2.2.2. Yêu cầu khảo sát trong bước thiết kế cơ sở:

a. Khái quát hoá điều kiện địa chất công trình của khu vực xây dựng, đặc biệt chú ý phát hiện quy luật phân bố theo diện và chiều sâu của các phân vị địa tầng yếu, quy luật hoạt động của các quá trình địa chất tự nhiên bất lợi như cactơ, lún, trượt, trôi, xói lở, nước ngầm...

b. Đánh giá được điều kiện địa chất công trình tại diện tích bố trí các công trình chính, các công trình có tải trọng lớn.

2.2.3. Vị trí các điểm thăm dò được bố trí theo nguyên tắc:

a. Đối với các công trình xây dựng tập trung:

- Vị trí các điểm thăm dò được bố trí theo tuyến hoặc theo lưới có hướng vuông góc và song song với các phương của cấu trúc địa chất hoặc với

các trục của công trình. Nền bản đồ địa hình thường có tỷ lệ 1:2000 hoặc 1:1000 hoặc 1:500 hoặc lớn hơn tùy theo diện tích khu đất xây dựng.

- Đối với các công trình chính, các công trình có tải trọng lớn, vị trí các điểm thăm dò được bố trí hợp lý trong phạm vi mặt bằng công trình.

b. Đối với các công trình xây dựng theo tuyến:

Các điểm thăm dò bố trí dọc theo tim tuyến và trên mặt cắt ngang điển hình về điều kiện địa hình và địa chất công trình. Nền bản đồ địa hình thường có tỷ lệ 1:10000 hoặc 1:5000 hoặc 1:2000 hoặc lớn hơn tùy theo phạm vi tuyến. Cần bố trí thêm các điểm thăm dò chi tiết tại những vị trí công trình có nguy cơ mất ổn định như vùng đất yếu, địa hình núi cao, mái dốc lớn... với nền bản đồ tỷ lệ 1:2000 hoặc 1:1000 hoặc lớn hơn.

2.2.4. Số lượng, độ sâu, khoảng cách các điểm thăm dò được xác định theo các tiêu chuẩn áp dụng, tùy thuộc quy mô công trình và mức độ phức tạp về điều kiện địa chất công trình tại khu vực khảo sát.

2.2.5. Trong bước thiết kế cơ sở có thể sử dụng tất cả các công việc khảo sát để đáp ứng yêu cầu tại Điểm 2.2.2 Mục 2, Phần II của Thông tư này.

2.2.6. Kết quả khảo sát trong bước thiết kế cơ sở phải đảm bảo cung cấp đủ số liệu để xác định phương án: tổng mặt bằng, san nền, các công trình hạ tầng kỹ thuật chủ yếu, xử lý nền, móng, kết cấu chịu lực chính của công trình; kiến nghị phương pháp thăm dò và xác định các khu vực có điều kiện địa chất bất lợi cần khảo sát trong bước thiết kế tiếp theo.

Đối với các công trình xây dựng theo tuyến, kết quả khảo sát trong bước thiết kế cơ sở còn phải đảm bảo cung cấp đủ số liệu để đề xuất các công trình chủ yếu trên tuyến, các mặt cắt dọc và mặt cắt ngang điển hình trên tuyến, kiến nghị phương án xử lý các chướng ngại vật chủ yếu trên tuyến và hành lang ổn định của công trình.

2.3. Khảo sát phục vụ bước thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế ba bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế hai bước hoặc thiết kế một bước).

2.3.1. Nội dung nhiệm vụ khảo sát: Ngoài nội dung quy định tại Điểm 2.2.1 Mục 2, Phần II của Thông tư này, nhiệm vụ khảo sát còn phải dự kiến phương án thiết kế móng, dự kiến tải trọng và kích thước của các hạng mục công trình.

2.3.2. Công tác khảo sát trong bước thiết kế kỹ thuật phải chính xác hoá điều kiện địa chất công trình của khu vực xây dựng và của các hạng mục công trình; xác định được các công việc khảo sát phục vụ bước thiết kế tiếp theo.

2.3.3. Nguyên tắc bố trí các điểm thăm dò:

a. Đối với các công trình xây dựng tập trung: Các điểm thăm dò được bố trí trong phạm vi mặt bằng của từng công trình. Nền bản đồ địa hình thường có tỷ lệ 1:1000 đến 1:100 tùy theo kích thước công trình.

b. Đối với các công trình xây dựng theo tuyến: Các điểm thăm dò được bố trí dọc theo tim tuyến và trên mặt cắt ngang với mật độ dày hơn trong bước khảo sát trước nhằm chính xác hoá điều kiện địa chất công trình của toàn tuyến. Nền bản đồ địa hình thường có tỷ lệ 1:2000 đến 1:500 hoặc lớn hơn tùy theo chiều dài tuyến và mức độ phức tạp địa chất khu vực khảo sát. Cần bố trí thêm các điểm thăm dò chi tiết tại những vị trí công trình có nguy cơ mất ổn định như vùng đất yếu, địa hình núi cao, mái dốc lớn... với nền bản đồ tỷ lệ 1:1000 hoặc 1:500 hoặc lớn hơn.

2.3.4. Số lượng, độ sâu, khoảng cách các điểm thăm dò được xác định theo các tiêu chuẩn áp dụng phù hợp với bước thiết kế kỹ thuật, phù hợp với dạng công trình.

2.3.5. Thành phần công tác khảo sát phục vụ bước thiết kế kỹ thuật bao gồm khoan, thí nghiệm hiện trường, thí nghiệm trong phòng, được lựa chọn phù hợp với yêu cầu xử lý nền, móng, kết cấu chịu lực của công trình.

2.3.6. Kết quả khảo sát trong bước thiết kế kỹ thuật phải đảm bảo cung cấp đủ số liệu để tính toán xử lý nền móng, kết cấu chịu lực của công trình với đầy đủ kích thước cần thiết; đề xuất các giải pháp thi công xử lý nền, móng, kết cấu chịu lực của công trình một cách hợp lý, đảm bảo an toàn cho công trình và các công trình lân cận.

Đối với công trình xây dựng theo tuyến, kết quả khảo sát trong bước thiết kế kỹ thuật còn phải đảm bảo cung cấp đủ số liệu để xác định các công trình trên tuyến, các mặt cắt dọc và mặt cắt ngang đặc trưng cho các loại địa tầng trên tuyến; quyết định giải pháp xử lý các chướng ngại vật trên tuyến và chính xác hoá hành lang ổn định của công trình.

2.4. Khảo sát phục vụ bước thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế ba bước).

2.4.1. Khảo sát phục vụ bước thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế ba bước) chỉ thực hiện trong trường hợp:

- Điều kiện địa chất công trình phức tạp hoặc có những biến động bất thường cần phải được chính xác hoá khi thiết kế chi tiết xử lý nền, móng, kết cấu chịu lực của công trình.

- Thay đổi vị trí, kích thước công trình; thay đổi giải pháp thiết kế xử lý nền, móng, kết cấu chịu lực của công trình.

- Tại vị trí dự kiến nắn tuyến hoặc dịch tuyến công trình.

2.4.2. Các công việc khảo sát phục vụ bước thiết kế bản vẽ thi công giống như các công việc khảo sát phục vụ bước thiết kế kỹ thuật nhưng ưu tiên thực hiện các thí nghiệm hiện trường và quan trắc địa kỹ thuật phù hợp với yêu cầu xử lý. Khi cần thiết, có thể đề xuất bổ sung thí nghiệm chỉ tiêu cơ - lý đất đá, chỉ tiêu hoá học của nước, chỉ định số lượng, chiều sâu, thành phần các công việc khảo sát.

2.4.3. Các điểm thăm dò bố trí theo nguyên tắc tại Điểm 2.3.3 Mục 2, Phần II của Thông tư này và tại những vị trí cần khảo sát bổ sung. Số lượng,

độ sâu, khoảng cách các điểm thăm dò do nhà thầu thiết kế hoặc nhà thầu thi công đề xuất và phải được chủ đầu tư chấp thuận.

2.4.4. Kết quả khảo sát phải chính xác hoá được vị trí có điều kiện địa chất công trình phức tạp hoặc có những biến động địa chất bất thường; đảm bảo cung cấp đủ số liệu để thiết kế chi tiết xử lý nền, móng, kết cấu chịu lực của công trình; quyết định giải pháp thi công hợp lý; bảo đảm an toàn cho công trình và các công trình lân cận.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CHỦ THỂ TRONG CÔNG TÁC KHẢO SÁT

1. Đối với chủ đầu tư xây dựng công trình:

1.1. Thực hiện quản lý chất lượng khảo sát bao gồm: Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát, tổ chức giám sát khảo sát và nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát theo các quy định tại Chương III Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ. Trường hợp chủ đầu tư không có chuyên môn để thực hiện các công việc trên thì thuê tổ chức hoặc cá nhân có chuyên môn phù hợp để thực hiện.

1.2. Lựa chọn nhà thầu khảo sát có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Điều 58 Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ để thực hiện khảo sát; tổ chức, bố trí cán bộ có chuyên môn phù hợp để kiểm tra năng lực của nhà thầu và của chủ nhiệm khảo sát.

1.3. Ký kết hợp đồng với nhà thầu khảo sát, giao nhiệm vụ khảo sát cho nhà thầu khảo sát, bàn giao mặt bằng cho nhà thầu khảo sát và tạo điều kiện để nhà thầu khảo sát thực hiện công việc; thanh toán đầy đủ kinh phí cho nhà thầu khảo sát trên cơ sở khối lượng khảo sát thực hiện đã được nghiệm thu.

1.4. Chịu trách nhiệm về chất lượng các thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác khảo sát cung cấp cho nhà thầu khảo sát và nhà thầu thiết kế.

1.5. Tổ chức lưu trữ hồ sơ khảo sát.

1.6. Khi nhận được kiến nghị khảo sát bổ sung, nếu chấp thuận, chủ đầu tư phải bổ sung nhiệm vụ khảo sát và ký hợp đồng khảo sát bổ sung với nhà thầu khảo sát. Chủ đầu tư có thể tham khảo ý kiến của nhà thầu thiết kế hoặc nhà thầu khảo sát khác trước khi chấp thuận.

2. Đối với nhà thầu khảo sát:

2.1. Lập nhiệm vụ khảo sát khi có yêu cầu của chủ đầu tư; lập phương án kỹ thuật khảo sát; lập báo cáo kết quả khảo sát phù hợp với yêu cầu của bước thiết kế.

2.2. Chỉ được thực hiện công tác khảo sát trong phạm vi đăng ký kinh doanh và điều kiện năng lực quy định tại Điều 58 Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ, trên cơ sở phương án kỹ thuật khảo sát đã được chủ đầu tư phê duyệt và hợp đồng đã ký kết.

2.3. Cử người có đủ điều kiện năng lực phù hợp làm chủ nhiệm khảo sát theo quy định tại Điều 57 Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ. Bố trí đủ cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện khảo sát.

2.4. Kiểm tra nội bộ phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát trước khi trình chủ đầu tư; chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và trước pháp luật về kết quả khảo sát do mình thực hiện.

2.5. Theo dõi, tổ chức giám sát nội bộ việc thực hiện quy trình khảo sát theo phương án kỹ thuật được duyệt; ghi chép đầy đủ kết quả theo dõi, giám sát trong nhật ký khảo sát.

2.6. Khi thực hiện khảo sát, nếu có phát sinh khối lượng so với phương án kỹ thuật khảo sát được duyệt, phải đề xuất bổ sung nhiệm vụ khảo sát với chủ đầu tư và chỉ được tiếp tục khảo sát khi chủ đầu tư chấp thuận.

2.7. Bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình xây dựng khác trong vùng, địa điểm khảo sát; bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan trong khu vực khảo sát; phục hồi hiện trường sau khi kết thúc khảo sát.

2.8. Các máy móc, thiết bị sử dụng cho công tác khảo sát phải hợp chuẩn và an toàn theo tính năng thiết kế. Không sử dụng các thiết bị và dụng cụ đo lường chưa được kiểm định, sai tính năng, vượt quá công suất thiết kế của thiết bị hoặc đã quá niên hạn sử dụng theo quy định.

2.9. Tổ chức lưu trữ hồ sơ khảo sát.

2.10. Thực hiện bảo mật theo quy định những tài liệu có yêu cầu bảo mật liên quan đến công tác khảo sát (nếu có).

2.11. Bồi thường thiệt hại khi thực hiện không đúng nhiệm vụ khảo sát, không đúng phương án kỹ thuật khảo sát được duyệt hoặc sử dụng các thông tin, tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn không phù hợp dẫn đến làm sai lệch kết quả khảo sát, phát sinh khối lượng khảo sát và các hành vi gây thiệt hại khác do lỗi của mình gây ra.

3. Đối với nhà thầu thiết kế:

3.1. Lập nhiệm vụ khảo sát phục vụ cho công tác thiết kế phù hợp với yêu cầu của bước thiết kế.

3.2. Đề xuất khảo sát bổ sung và lập nhiệm vụ khảo sát bổ sung khi phát hiện không đủ số liệu khảo sát để thiết kế.

3.3. Chỉ thực hiện thiết kế xây dựng công trình trên cơ sở báo cáo kết quả khảo sát đã được chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định.

3.4. Bồi thường thiệt hại khi xác định sai nhiệm vụ khảo sát dẫn đến kết quả khảo sát không đáp ứng yêu cầu thiết kế phải khảo sát lại, khảo sát bổ sung hoặc các hành vi gây thiệt hại khác do lỗi của mình gây ra.

4. Đối với tổ chức, cá nhân giám sát khảo sát:

4.1. Thực hiện giám sát khảo sát theo yêu cầu của chủ đầu tư được thể hiện trong hợp đồng kinh tế.

- 4.2. Cử người có chuyên môn phù hợp để thực hiện giám sát khảo sát.
- 4.3. Kiểm tra sự phù hợp về điều kiện năng lực của nhà thầu khảo sát và chủ nhiệm khảo sát, về thiết bị khảo sát mà nhà thầu khảo sát đã cam kết với chủ đầu tư trong hồ sơ dự thầu hoặc trong hợp đồng đã ký kết.
- 4.4. Giám sát quy trình thực hiện khảo sát ngoài hiện trường và trong phòng thí nghiệm theo phương án kỹ thuật được duyệt.
- 4.5. Nghiệm thu khối lượng khảo sát để làm cơ sở cho chủ đầu tư quyết toán công tác khảo sát.
- 4.6. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và trước pháp luật về khối lượng khảo sát đã nghiệm thu. Bồi thường thiệt hại nếu không phát hiện được nhà thầu khảo sát thực hiện không đúng phương án kỹ thuật khảo sát được duyệt dẫn đến kết quả khảo sát không đáp ứng yêu cầu thiết kế phải khảo sát lại, khảo sát bổ sung hoặc các hành vi gây thiệt hại khác do lỗi của mình gây ra.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình, chỉ đạo các chủ đầu tư, nhà thầu thiết kế, nhà thầu khảo sát xây dựng, nhà thầu giám sát khảo sát xây dựng và các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện công tác khảo sát theo hướng dẫn tại Thông tư này.
 2. Các Bộ có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các tiêu chuẩn khảo sát phù hợp với tính chất, đặc điểm của các công trình xây dựng chuyên ngành.
 3. Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đầu mối giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra các chủ đầu tư, nhà thầu thiết kế, nhà thầu khảo sát xây dựng, nhà thầu giám sát khảo sát xây dựng và các tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn thực hiện công tác khảo sát theo hướng dẫn tại Thông tư này; định kỳ 6 tháng, một năm báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Xây dựng về tình hình thực hiện trên địa bàn.
 4. Tổ chức, cá nhân vi phạm công tác khảo sát theo hướng dẫn tại Thông tư này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, bị xử lý theo quy định của Pháp luật; trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.
 5. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.
- Trong quá trình thực hiện, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh những vướng mắc về Bộ Xây dựng để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận :

- Thủ tướng CP, các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành;
- Các Tổng Công ty nhà nước;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Trang Web của Bộ Xây dựng;
- Lưu VP, PC, KSTK.

**K/T BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

đã ký

Nguyễn Văn Liên

PHỤ LỤC SỐ 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN SỐ

NGHIỆM THU THÀNH PHẦN CÔNG TÁC KHẢO SÁT NGOÀI HIỆN TRƯỜNG CÔNG TRÌNH (tên công trình khảo sát)

1. **Đối tượng nghiệm thu:** (ghi rõ tên công việc khảo sát, công trình, hạng mục công trình, vị trí, giai đoạn khảo sát được nghiệm thu).
2. **Thành phần trực tiếp nghiệm thu:**
 - a) Chủ đầu tư: (ghi tên tổ chức, cá nhân)
Họ và tên, chức vụ người phụ trách bộ phận giám sát khảo sát của chủ đầu tư .
 - b) Nhà thầu giám sát khảo sát xây dựng, nếu có: (ghi tên tổ chức, cá nhân)
Họ và tên người người phụ trách bộ phận giám sát khảo sát xây dựng.
 - c) Nhà thầu khảo sát xây dựng: (ghi tên tổ chức, cá nhân)
Họ và tên, chức vụ người phụ trách khảo sát trực tiếp.
3. **Thời gian nghiệm thu:**

Bắt đầu : ngày..... tháng..... năm.....
Kết thúc : ngày..... tháng..... năm.....
Tại:
4. **Khối lượng và chất lượng thành phần công tác khảo sát hoàn thành:**
 - a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:
 - b) Khối lượng khảo sát:
 - c) Chất lượng khảo sát (đối chiếu với nhiệm vụ và phương án khảo sát, tiêu chuẩn áp dụng hoặc yêu cầu kỹ thuật khảo sát):
 - d) Các ý kiến khác, nếu có:
5. **Kết luận :**
 - Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu thành phần công tác khảo sát:
 - Các ý kiến khác, nếu có:

**NGƯỜI PHỤ TRÁCH KHẢO SÁT
CỦA NHÀ THẦU KHẢO SÁT**
(ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ)

**NGƯỜI GIÁM SÁT KHẢO SÁT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
(ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ)

**NGƯỜI GIÁM SÁT KHẢO SÁT
CỦA NHÀ THẦU GIÁM SÁT KHẢO SÁT (nếu có)**
(ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Hồ sơ nghiệm thu khảo sát xây dựng gồm:

Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu, nếu có:

PHỤ LỤC SỐ 2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN SỐ
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TÁC KHẢO SÁT NGOÀI HIỆN TRƯỜNG
CÔNG TRÌNH (tên công trình khảo sát)

1. Đối tượng nghiệm thu: (*ghi rõ tên công trình, hạng mục công trình, vị trí, giai đoạn khảo sát được nghiệm thu*).

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a) Chủ đầu tư: (*ghi tên tổ chức, cá nhân*)

Họ và tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật, người phụ trách bộ phận giám sát khảo sát của chủ đầu tư .

b) Nhà thầu giám sát khảo sát xây dựng, nếu có: (*ghi tên tổ chức, cá nhân*)

Họ và tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật, người phụ trách bộ phận giám sát khảo sát.

c) Nhà thầu khảo sát: (*ghi tên tổ chức, cá nhân*)

Họ và tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật, người phụ trách khảo sát trực tiếp.

3. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu : ngày..... tháng..... năm.....

Kết thúc : ngày..... tháng..... năm.....

Tại:

4. Khối lượng và chất lượng công tác khảo sát hoàn thành:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

b) Khối lượng khảo sát:

c) Chất lượng khảo sát (*đối chiếu với nhiệm vụ và phương án khảo sát, tiêu chuẩn áp dụng hoặc yêu cầu kỹ thuật khảo sát*):

d) Các ý kiến khác, nếu có:

5. Kết luận:

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công tác khảo sát để đưa vào lập báo cáo kết quả khảo sát:

- Các ý kiến khác, nếu có:

NHÀ THẦU KHẢO SÁT

(ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật và đóng dấu)

CHỦ ĐẦU TƯ

(ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật và đóng dấu)

NHÀ THẦU GIÁM SÁT KHẢO SÁT (nếu có)

(ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật và đóng dấu)

Hồ sơ nghiệm thu khảo sát xây dựng gồm:

- Biên bản nghiệm thu thành phần công tác khảo sát ngoài hiện trường:

- Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu, nếu có: